

QUY TẮC BẢO HIỂM HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN QUA ỨNG DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022 /QĐ -BHHK ngày /09/2022
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không)*

Điều 1: ĐỊNH NGHĨA

1.1 “Người bảo hiểm”: là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không gọi tắt là VNI được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số: 49 GP/KDBH, ngày 23/04/2008 của Bộ Tài Chính

1.2 “Bên mua bảo hiểm”: là tổ chức hoặc cá nhân có giao kết hợp đồng bảo hiểm với VNI và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải là khách hàng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng hoặc là Nhà cung cấp dịch vụ giao hàng và được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này.

1.3 “Người được bảo hiểm”: là khách hàng (tổ chức hoặc cá nhân) đặt Dịch vụ giao hàng để chuyển Đơn hàng từ địa điểm này sang địa điểm khác.

1.4 “Lái xe”: là người được Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng chỉ định nhận Đơn hàng thông qua ứng dụng được nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng thiết lập để vận chuyển Hàng hóa được giao theo Đơn hàng, theo đó Lái xe nhận Hàng hóa từ Người gửi và giao Hàng hóa cho Người nhận theo Lịch trình.

1.5 “Người gửi”: là tổ chức, cá nhân có tên trong ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng tại phần ghi thông tin Người gửi do Người được bảo hiểm kê khai khi đặt Dịch vụ giao hàng.

1.6 “Người nhận”: là tổ chức, cá nhân có tên trong ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng tại phần ghi thông tin Người nhận do Người được bảo hiểm kê khai khi đặt Dịch vụ giao hàng.

1.7 “Dịch vụ giao hàng”: là dịch vụ vận chuyển Hàng hóa được kết nối giữa Người được bảo hiểm và Lái xe thông qua ứng dụng được cài đặt trên thiết bị di động do Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng thiết lập để quản lý, theo dõi thực hiện Đơn hàng, đối soát dữ liệu, cước phí.

1.8 “Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng”: là tổ chức hoặc cá nhân cung cấp Dịch vụ giao hàng hợp pháp theo quy định pháp luật.

1.9 “Phương tiện vận chuyển”: là xe ô tô, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh hoặc phương tiện khác được Lái xe đăng ký với Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng sử dụng để vận chuyển Hàng hóa được giao theo Đơn hàng.

1.10 “Lịch trình”: là hành trình của Phương tiện vận chuyển, được xác định bởi Điểm đi (điểm nhận Đơn hàng từ Người gửi) tới Điểm đến (điểm giao Đơn hàng cho Người nhận), Thời điểm Lái xe nhận Đơn hàng dự kiến và thực tế, Thời điểm Lái xe giao Đơn hàng dự kiến và thực tế của từng Đơn hàng được ghi nhận trên ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng. Lịch trình được ghi cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm.

1.11 “Đơn hàng”: là yêu cầu cung cấp Dịch vụ giao hàng được Người được bảo hiểm khởi tạo trên ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng để vận chuyển một hoặc nhiều Hàng hóa đến một hoặc nhiều Điểm đến và được Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng chấp nhận cung cấp Dịch vụ giao hàng thông qua việc chỉ định Lái xe nhận vận chuyển Đơn hàng trên ứng dụng.

1.12 “Hàng hóa”: là hàng hóa hoặc tài sản được thể hiện dưới dạng vật chất, vật dụng, đồ dùng, Tài liệu ... đáp ứng các quy định, điều kiện sử dụng Dịch vụ vận chuyển của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng. Hàng hóa được giao theo Đơn hàng là đối tượng bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này.

1.13 “Tài liệu”: là một loại Hàng hóa (vật) mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của các cá nhân, tổ chức, cơ quan. Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, tài liệu công trình nghiên cứu, sổ sách, mẫu biểu thống kê, bản thảo tác phẩm văn học nghệ thuật, sổ dùng để ghi chép viết tay, tranh vẽ hoặc tranh in, ấn phẩm và vật mang tin có hình thức tương tự khác.

1.14 “Điểm đi”: là địa điểm Lái xe nhận Đơn hàng từ Người gửi do Người được bảo hiểm kê khai khi đặt Dịch vụ giao hàng, được ghi cụ thể trên ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng và hợp đồng bảo hiểm.

1.15 “Điểm đến”: là một hoặc nhiều địa điểm Lái xe giao Đơn hàng cho Người nhận do Người được bảo hiểm kê khai khi đặt Dịch vụ giao hàng, được ghi cụ thể trên ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng và hợp đồng bảo hiểm.

1.16 “Thời điểm lái xe nhận đơn hàng dự kiến”: là thời gian dự kiến Lái xe nhận Hàng hóa từ Người gửi tại điểm đi, được ghi nhận theo Lịch trình.

1.17 “Thời điểm Lái xe giao Đơn hàng dự kiến”: là thời gian dự kiến Lái xe giao Hàng hóa cho Người nhận tại một hay nhiều Điểm đến, được ghi nhận theo Lịch trình.

1.18 “Thời điểm Lái xe nhận Đơn hàng thực tế”: là thời gian thực tế Lái xe nhận Hàng hóa từ Người gửi tại Điểm đi căn cứ theo dữ liệu của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng cung cấp, được tính tại thời điểm Lái xe bắt đầu giao hàng theo Lịch trình và chụp hình các bề mặt khác nhau của Hàng hóa, tải thành công trên ứng dụng của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng. Các hình ảnh này được lưu trữ trên hệ thống của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng để xác định tình trạng ban đầu của Hàng hóa khi lái xe nhận từ Người gửi. Thời điểm Lái xe nhận Đơn hàng thực tế là căn cứ để xác định thời điểm bắt đầu có hiệu lực thực tế của hợp đồng bảo hiểm.

1.19 “Thời điểm Lái xe giao Đơn hàng thực tế”: là thời gian thực tế Lái xe giao Hàng hóa cho Người nhận tại một hoặc nhiều Điểm đến căn cứ theo dữ liệu của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng cung cấp, được tính tại thời điểm Lái xe giao hàng thành công theo lịch trình cho Người nhận. Trong trường hợp Đơn hàng có nhiều hơn một điểm đến, Thời điểm Lái xe giao Đơn hàng thực tế tại Điểm đến cuối cùng **1.20 “Thời hạn bảo hiểm”:** là khoảng thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, tính từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc được quy định cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm. VNI sẽ ghi nhận Thời hạn bảo hiểm dự kiến trên hợp đồng bảo hiểm. Trách nhiệm bảo hiểm chỉ bắt đầu có hiệu lực kể từ Thời điểm Lái xe nhận Đơn hàng thực tế và kết thúc hiệu lực tại Thời điểm Lái xe giao Đơn hàng thực tế cuối cùng theo dữ liệu của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng cung cấp.

1.21 “Tai nạn”: là một sự kiện hay một chuỗi các sự kiện bất ngờ, không lường trước, được gây ra bởi tác động của một vật chất hoặc một lực bên ngoài lên cơ thể của Lái xe, ngoài ý muốn chủ quan của Lái xe và là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất dẫn đến Lái xe bị tử vong, lâm vào Tình trạng nguy kịch, Thương tật thân thể khi Lái xe tham gia giao thông đường bộ trong Thời hạn bảo hiểm làm hàng hóa chuyên chở bị hư hỏng, mất mát.

1.22 “Trộm cắp”: là hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản do người nào đó gây ra với thủ đoạn lén lút, lợi dụng lúc sơ hở mất cảnh giác khi lái xe xảy ra tai nạn khiến cho Hàng hóa đang được Lái xe vận chuyển theo Lịch trình bị mất và không tìm thấy được.

1.23 “Cướp”: là hành vi người nào đó dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công (là Lái xe) lâm vào tình trạng không thể chống cự nhằm mục đích chiếm đoạt Hàng hóa đang được Lái xe vận chuyển theo Lịch trình.

1.24 “Hur hỏng”: là bất kỳ tổn thất, hư hại về mặt vật chất hoặc mất khả năng sử dụng của Hàng hóa.

1.25 “Sự kiện bảo hiểm”: là sự kiện khách quan do các bên thỏa thuận tại HĐBH/GCNBH hoặc pháp luật quy định mà khi sự kiện đó xảy ra thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm.

1.26 “Số tiền bảo hiểm/Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm”: là số tiền bồi thường tối đa của VNI đối với quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều 3 của điều khoản này, tương ứng với chương trình bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn và được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

1.27 “Giá trị bảo hiểm”: là giá trị hàng hóa được bảo hiểm. **1.28 “Mức khấu trừ”:** là số tiền mà Người được bảo hiểm tự chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm. Mức khấu trừ được quy định cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2: QUY ĐỊNH CHUNG

Người được bảo hiểm phải tuân thủ các điều kiện, điều khoản dưới đây để được nhận tiền bồi thường.

2.1. Không che giấu hoặc mô tả sai thông tin:

Trường hợp Người được bảo hiểm có hành vi che giấu và miêu tả sai thông tin về Sự kiện bảo hiểm hoặc thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm làm ảnh hưởng đến rủi ro chấp nhận bảo hiểm:

- (i) VNI không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm và hoàn lại phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm
- (ii) Người được bảo hiểm sẽ phải hoàn lại mọi quyền lợi bảo hiểm đã được VNI thanh toán (nếu có).

2.2. Tuân thủ các điều kiện khi sử dụng dịch vụ: Người được bảo hiểm phải tuân thủ và đáp ứng tất cả các điều kiện dịch vụ khi sử dụng dịch vụ của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng

Điều 3: NHỮNG RỦI RO ĐƯỢC BẢO HIỂM

Trừ những trường hợp loại trừ được quy định ở Điều 4 dưới đây, theo điều kiện bảo hiểm này, VNI chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm sau khi trừ đi

Mức khấu trừ (nếu có) trong trường hợp xảy ra Sự kiện bảo hiểm trong Thời hạn bảo hiểm do hậu quả trực tiếp của một trong các nguyên nhân sau:

3.1 Cháy hoặc nổ;

3.2 Phương tiện vận chuyển đường bộ bị lật đổ; đâm va vào phương tiện, vật thể khác; phương tiện vận chuyển rơi xuống sông, hồ, ao làm hàng hóa bị hư hỏng.

3.3 Các rủi ro thiên tai, thảm họa thiên nhiên như: Động đất, bão lụt, gió lốc hoặc sét đánh;

3.4 Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ;

3.5 Lái xe xảy ra tai nạn dẫn tới Hư hỏng hoặc Hàng hóa bị mất do Trộm cắp;

3.6 Cướp (chỉ áp dụng đối với Hàng hóa bị mất do Cướp);

3.7 Hàng hóa bị hư hỏng do rơi vỡ, bất cẩn của Lái xe trong quá trình vận chuyển, xếp, dỡ lên và xuống phương tiện vận chuyển.

Bảo hiểm này bảo hiểm cho Hàng hóa vận chuyển trong lãnh thổ Việt nam (trừ khi có thỏa thuận khác quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm).

Điều 4: LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

4.1 VNI không bồi thường trong các trường hợp sau:

- Các hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm;
- Các hành động cố ý gây mất hoặc Hư hỏng cho Hàng hóa của Lái xe; - Các thiệt hại và/hoặc trách nhiệm xảy ra trước và sau Thời hạn bảo hiểm;
- Các thiệt hại và/ hoặc trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với bên thứ ba;
- Các thiệt hại và/ hoặc tổn thất mang tính hậu quả liên quan đến Hàng hóa bao gồm nhưng không giới hạn bởi lợi nhuận, thu nhập, cơ hội kinh doanh;
- Các thiệt hại và/ hoặc tổn thất gây ra bởi Hàng hóa bị thiếu hụt kiện hàng hoặc trọng lượng trước khi tham gia bảo hiểm, hoặc bị Hư hỏng trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển;
- Các thiệt hại/ và hoặc hậu quả về Người hoặc tài sản khác được gây ra bởi thiệt hại của Hàng hóa;
- Các thiệt hại và/ hoặc tổn thất của Hàng hóa xảy ra khi được vận chuyển bằng Phương tiện vận chuyển khác ngoài Phương tiện vận chuyển đã được chỉ định để vận chuyển Hàng hóa theo Đơn hàng;
- Phương tiện vận chuyển không đủ khả năng lưu hành, không đảm bảo an toàn giao thông;

- Các thiệt hại và/ hoặc tổn thất có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ từ một rủi ro không được bảo hiểm;
- Các thiệt hại và/ hoặc tổn thất do tính chất của Hàng hóa;
- Xảy ra sự kiện bảo hiểm ngoài quốc gia được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm;
- Đình công, công nhân bị cấm xưởng hoặc những người tham gia gây rối lao động, náo loạn hoặc bạo động dân sự;
- Khủng bố hoặc bất kỳ người nào hành động vì động cơ chính trị; - Chiến tranh nội chiến, cách mạng, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc xung đột dân sự;
- Bắt giữ, tịch thu, kiểm chế hay cầm giữ và hậu quả của những sự việc đó hoặc bất kỳ mưu toan nào nhằm thực hiện những hành vi đó;
- Mìn, bom hoặc những vũ khí chiến tranh hoang phế khác;
- Rủi ro về công nghệ thông tin và tấn công điều khiển;
- Loại trừ tổn thất cơ điện, điện tử trừ khi do các rủi ro được bảo hiểm gây ra.

4.2 Các loại hàng hóa bị loại trừ:

VNI không nhận bảo hiểm và không chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp Hàng hóa là:

- Thiết bị kỹ thuật, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, phương tiện chuyên dụng trong quân sự, công an, lực lượng vũ trang như súng, đạn dược, vũ khí, quân trang, linh kiện/bộ phận/ phụ tùng/ vật tư/ công nghệ chuyên dùng để chế tạo chúng;
- Súng săn, đạn súng săn, vũ khí thể thao và công cụ hỗ trợ;
- Đồ chơi nguy hiểm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, xã hội;
- Ma túy, chất kích thích tinh thần, chất gây nghiện; Các loại hóa chất, tiền chất bị cấm; Thuốc lá, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm nhập lậu;
- Hàng hóa bị cấm lưu hành hoặc chưa được cấp phép sử dụng và/ hoặc xuất nhập khẩu tại Việt Nam, cấm buôn bán/ hạn chế lưu thông theo quy định của Chính phủ; Các ấn phẩm văn hóa phẩm đồi trụy, mê tín dị đoan, phản động, các tài liệu chống lại an ninh công cộng/ Nhà nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam;
- Hàng hóa là vật liệu chứa chất gây cháy nổ, hoặc có chứa chất hóa học/ phóng xạ/ vi trùng dịch bệnh độc hại có nguy cơ xâm hại đến tính mạng và/ hoặc tài sản công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội;

- Kim loại quý (vàng, bạc, bạch kim,...), đá quý, các sản phẩm được chế biến từ kim loại quý và/ hoặc đá quý; - Tiền tệ Việt Nam, ngoại tệ và chứng từ có giá trị như tiền;
- Các Hàng hóa do hành vi vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm mà có;
- Các loại Hàng hóa được Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng từ chối cung cấp dịch vụ, từ chối nhận Đơn hàng khi Hàng hóa được giao cho Lái xe.

Điều 5: BẢO HIỂM TRÙNG

Nếu tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, rủi ro được bảo hiểm tại quy tắc và điều khoản này của Bên mua bảo hiểm đã được bảo hiểm bằng một hợp đồng bảo hiểm khác, thì trong bất kỳ trường hợp nào trách nhiệm của VNI tại tất cả các hợp đồng bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm cao nhất của Hàng hóa được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm.

Điều 6: ĐIỀU KHOẢN GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

Trách nhiệm của Người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm.

6.1 Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa thấp hơn giá trị bảo hiểm thì Người bảo hiểm chỉ bồi thường những mất mát hư hỏng do các rủi ro được bảo hiểm theo tổn thất thực tế của Hàng hóa được bảo hiểm nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm.

6.2 Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa cao hơn giá trị bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.

Điều 7: THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM

Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA BẢO HIỂM VÀ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của VNI ;
- Thông báo ngay cho VNI hay người đại diện của VNI về việc xảy ra Sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- Áp dụng mọi biện pháp cần thiết được coi là hợp lý nhằm mục đích ngăn ngừa hoặc giảm nhẹ tổn thất;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng bảo hiểm. VNI có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ trên.

Điều 9: TỔN THẤT TOÀN BỘ

Tổn thất toàn bộ nói trong Quy tắc bảo hiểm này bao gồm tổn thất toàn bộ ước tính và tổn thất toàn bộ thực tế.

- Khi xảy ra mất mát, hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu Hàng hóa được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó nữa thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.
- Khi Hàng hóa được bảo hiểm bị mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí sửa chữa/phục hồi có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó thì người được bảo hiểm được quyền thông báo tổn thất toàn bộ ước tính.
- Bất kỳ trường hợp mất mát hay hư hỏng nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở hai phần trên đều được coi là tổn thất bộ phận.
- Đối với hàng hóa đã qua sử dụng trong mọi trường hợp số tiền bồi thường sẽ căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hóa trên thị trường tại thời điểm xảy ra tổn thất nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá giá trị bảo hiểm.

Điều 10: TỔN THẤT BỘ PHẬN

- Khi hàng hóa được bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường được xác định bằng tổng giá trị hàng hóa khi còn nguyên vẹn trừ đi tổng giá trị hàng hóa còn lại sau khi đã bị tổn thất tại nơi nhận hàng.
- Đối với hàng hóa đã qua sử dụng số tiền bồi thường được xác định bằng giá trị tổn thất thực tế tại thời điểm xảy ra tổn thất nhân với tỷ lệ giữa giá trị thực tế của hàng hóa tại thời điểm tổn thất so sánh với giá trị mới của hàng hóa đó. Nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá giá trị bảo hiểm.

Điều 11: ĐIỀU KHOẢN THU HỒI HÀNG HÓA

Sau khi bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm), Người bảo hiểm còn có quyền thu hồi giá trị còn lại của phần hàng hóa đã được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12: THỂ QUYỀN

Theo yêu cầu và bằng chi phí của mình, VNI sẽ được quyền thay Người được bảo hiểm đòi bên thứ ba bồi hoàn số tiền mà VNI đã bồi thường cho Người được bảo hiểm do lỗi bên thứ ba gây ra. Người được bảo hiểm có trách nhiệm bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bên thứ ba cho VNI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với VNI. Các công việc này có thể được tiến hành hoặc được yêu cầu tiến hành trước hoặc sau khi VNI bồi thường. Trong trường hợp Người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho VNI, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu bên thứ ba bồi thường thì VNI có quyền từ chối một phần hay toàn bộ số tiền bồi thường thuộc phạm vi bảo hiểm, tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm.

Điều 13: GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

13.1 Thời hạn thông báo Sự kiện bảo hiểm:

Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm/Người thụ hưởng bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho VNI trong vòng 24 giờ (trừ khi có thỏa thuận về thời gian thông báo khác được quy định cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm) kể từ khi Hàng hóa được giao theo Đơn hàng theo Lịch trình bị mất do Trộm cắp/ Cướp hoặc Hư hỏng, bằng văn bản hoặc các hình thức khác được VNI chấp thuận. Quá thời hạn trên, VNI sẽ từ chối 100% số tiền bồi thường.

13.2 Thời hạn yêu cầu giải quyết bồi thường:

- Thời hạn yêu cầu giải quyết bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là một (01) năm, kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết bồi thường.

13.3 Thời hiệu khởi kiện về việc trả tiền bồi thường:

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là một (03) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

13.4 Hồ sơ yêu cầu giải quyết bồi thường:

Bên mua bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của họ bằng chi phí của mình, tự thu thập và gửi hồ sơ yêu cầu giải quyết bồi thường tới VNI.

Hồ sơ yêu cầu giải quyết bồi thường (Bản gốc, Bản sao hợp pháp hoặc hình thức khác (như hình ảnh, tệp âm thanh, dữ liệu khai báo trực tuyến...) được VNI chấp nhận bao gồm các chứng từ sau đây:

- Yêu cầu bồi thường;
- Giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu) của Người thụ hưởng bảo hiểm (áp dụng trong trường hợp Người thụ hưởng bảo hiểm khác với Bên mua bảo hiểm);
- Ảnh chụp tình trạng ban đầu của Hàng hóa lúc Lái xe nhận từ Người gửi;
- Ảnh chụp và/hoặc video quay tình trạng Hàng hóa bị Hư hỏng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- Bảng chứng chứng minh về tình trạng và mức độ thiệt hại của Hàng hóa xuất phát từ một trong các nguyên nhân được bảo hiểm theo Điều 3 bao gồm đầy đủ các thông tin về nguyên nhân, diễn biến, thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện, mức độ thiệt hại của Hàng hóa;
- Trường hợp bị Trộm cắp/ Cướp: Biên bản/ bản tường trình/thông báo có xác nhận của Nhà cung cấp Dịch vụ giao hàng (Với giá trị hàng hóa đến 1,000,000 VND) hoặc cơ quan công an nơi xảy ra sự kiện bảo hiểm (Với giá trị hàng hóa trên 1,000,000 VND) trong vòng 24 giờ kể từ khi bị mất do Trộm cắp/ Cướp và/hoặc ảnh hiện trường nơi xảy ra Sự kiện bảo hiểm.
- Hoá đơn VAT.

Điều 14: THỜI HẠN TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, VNI giải quyết bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì VNI sẽ trả tiền bồi thường trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ về yêu cầu giải quyết bồi thường. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, VNI sẽ trả tiền bồi thường bằng hình thức chuyển khoản.

Điều 15: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Luật áp dụng để điều chỉnh hợp đồng bảo hiểm này là pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng bảo hiểm trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, một bên có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết./.